TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: …/2019/DS - PT
Ngày 26 - 9 - 2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Lâm Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Quán.

Ông Lương Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu"* do bản án dân sự số 03/2019/DS-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai bị bị đơn bà Kiều Thị C kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐ-PT ngày 10/9/2019 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Anh Vũ Quyết T.

Địa chỉ: Số nhà 054, đường M, phường M1, thành phố C, tỉnh Lào Cai.

2. Bị đơn: Anh Chu Văn P, chị Kiều Thị C.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Chu Văn P: Chị Kiều thị C *(Theo văn bản ủy quyền ngày 11/5/2018)*

Cùng địa chỉ: Số nhà 069, tổ 6A2, thị trấn R, huyện Y, tỉnh Lào Cai.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:

- Anh Nguyễn Thế A

Địa chỉ: Số nhà 018, đường M, phường M1thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Anh Kiều Thanh Đ; Chị Nguyễn Thị L

Người đại diện theo ủy quyền của anh Kiều Thanh Đ: Chị Nguyễn Thị L (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2018)

Cùng địa chỉ: Bản L Hà 3, xã H, huyện Y, tỉnh Lào Cai.

- Chị Nguyễn P Hoa.

Địa chỉ: Số nhà 105, đường S, phường M1, thành phố C, tỉnh Lào Cai.

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Kiều Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Vũ Quyết T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên năm 2014 anh T có cho vợ chồng anh chị C anh P vay số tiền 340.000.000 đồng. Sau đó, đến thời hạn trả nợ anh T đã yêu cầu anh P và chị C trả nợ nhiều lần nhưng anh chị chưa trả được khoản tiền nào. Đến năm 2015, chị Nguyễn P Hoa nhận trả nợ thay cho chị C anh P số tiền 170.000.000 đồng, nên ngày 01/7/2015 chị C viết lại giấy vay tiền với số tiền còn lại là 170.000.000 đồng, thời hạn vay từ 01/7/2015 đến 30/3/2016, lãi suất theo thỏa thuận 3%/tháng. Khi viết lại giấy vay ngày 01/7/2015, chị C anh P thế chấp 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất; 01 giấy mang tên Hoàng Thị Sen, 01 giấy mang tên Kiều Thanh Đ và Nguyễn Thị L. Do khoản nợ 170.000.000 đồng thực tế lúc đó chị Hoa chưa chuyển trả ngay mà đến ngày 30/12/2015 anh Nguyễn Thế A (em trai chị Hoa) mới chuyển trả qua tài khoản ngân hàng cho anh T.

Ngày 11/9/2016 để cho anh T tin tưởng về khoản nợ đã vay, chị C tiếp tục viết một giấy cam kết với nội dung nợ số tiền 170.000.000 đồng và hẹn đến 30/12/2016 trả hết nợ. Tính đến ngày 30/01/2018 anh T công nhận chị C anh P đã trả được tổng số tiền 74.000.000 đồng (Trong đó chị C anh P trả 54.000.000 đồng, anh Thế A trả hộ 20.000.000 đồng). Số tiền gốc nợ lại là 96.000.000 đồng. Đến nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị C anh P phải trả số nợ gốc là 96.000.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 01/7/2015 đến 30/3/2016 là 0,75%/tháng; Số tiền lãi suất quá hạn tính đến ngày 30/5/2019 là 1,125%/tháng.

Chị Kiều Thị C phản tố yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất vô hiệu và yêu cầu anh T phải trả lại 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Thị Sen và một giấy mang tên Kiều Thanh Đ; Nguyễn Thị L. Anh T không nhất trí trả lại vì chị C tự nguyện mang 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để thế chấp và vợ chồng chị C chưa trả hết nợ như đã cam kết.

Bị đơn Chị Kiều Thị C trình bày:

Năm 2014 vợ chồng anh chị vay của anh T số tiền 340.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Khi vay tiền anh T có yêu cầu phải có tài sản thế chấp, vì vậy anh chị đã thế chấp: 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 01 giấy mang tên Hoàng Thị Sen, 01 giấy mang tên Nguyễn Thị L, Kiều Thanh Đ; máy tính xách

tay, nhẫn, đồng hồ... Sau đó anh chị đã trả cho anh T số tiền 170.000.000 đồng nên anh T đã trả lại máy tính xách tay, nhẫn, đồng hồ. Vì vậy, ngày 01/7/2015 vợ chồng chị và anh T viết lại giấy vay tiền còn nợ lại 170.000.000 đồng.

Do gia đình anh chị làm ăn khó khăn nên chị C nhờ chị Nguyễn P Hoa đến 30/12/2015 chị Hoa sẽ cho chị C vay 170.000.000 đồng để trả anh T và nói chuyện với anh T là không tính lãi suất đã vay. Việc không tính lãi suất là chị C, anh T cùng chị Hoa đã thống nhất với nhau bằng miệng. Chị C và anh T ghi lại 01 giấy vay tiền không tính lãi, do anh T bảo để kẹp vào trong chứng từ của anh T, nên chị C không cung cấp được giấy tờ trên. Đến ngày 30/12/2015, chị Hoa đã nhờ em trai là Nguyễn Thế A chuyển trả cho anh T số tiền 170.000.000 đồng. Đến nay, anh T khởi kiện yêu cầu chị C, anh P phải trả số tiền gốc là 96.000.000 đồng và số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 01/7/2015 đến 30/3/2016 là 0,75%/tháng; Tiền lãi suất quá hạn tính đến ngày 30/5/2019 là 1,125%/tháng. Chị C không nhất trí vì chị C cho rằng đã trả hết nợ cho anh T, đến nay vợ chồng anh chị không còn nợ anh T bất kỳ khoản tiền nào.

Khi viết giấy vay tiền ngày 01/7/2015 anh T vẫn giữ lại 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, 01 giấy mang tên Hoàng Thị Sen, 01 giấy mang tên Kiều Thanh Đ, Nguyễn Thị L. Đây là 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất chị C mượn của vợ chồng chị L anh Đ (là anh trai và chị dâu chị C). Chị C đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất vô hiệu và yêu cầu anh T phải trả lại cho anh Đ và chị L 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan anh Nguyễn Thế A trình bày:

Do có quen biết với chị Kiều Thị C nên anh Nguyễn Thế A đã cho chị C vay 60.000.000 đồng trả nợ cho anh T. Chị C nhờ anh trả nợ cho anh T giúp chị, anh đã trực tiếp đưa tiền trả cho anh T ba lần: Lần thứ nhất 30.000.000 đồng vào ngày 24/01/2017; lần thứ hai 20.000.000 đồng vào ngày 02/6/2017; lần thứ ba 10.000.000 đồng vào ngày 30/6/2017. Khi giao nhận tiền với anh T, hai bên không có giấy tờ gì. Ngoài ra ngày 30/12/2015 do chị Nguyễn P Hoa (là chị gái) có nhờ anh Thế A trả nợ thay chị C, chuyển khoản qua ngân hàng trả cho anh T số tiền 170.000.000 đồng, sau khi chuyển khoản cho anh T, anh đã gọi điện báo lại cho chị Hoa, chị C để hai chị xác nhận lại công nợ với anh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan chị Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 2010, chị có đưa cho chị C 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 giấy mang tên Hoàng Thị Sen (năm 2000 chị L đã mua lại đất của chị Hoàng Thị Sen nhưng chưa làm thủ tục sang tên), 01 giấy mang tên Kiều Thanh Đ, Nguyễn Thị L, mục đích là để nhờ chị C làm thủ tục nhập hai diện tích đất trên với nhau. Đến năm 2014, chị C gọi điện hỏi mượn 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất trên để thế chấp vay tiền làm ăn nên chị L nhất trí. Đến nay gia đình chị C làm ăn thua lỗ nên vẫn chưa trả 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất trên. Chị L đề nghị anh T trả lại cho chị 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do chị C thế chấp cho anh T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan chị Nguyễn P Hoa: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà

án, nhưng chị Hoa không có văn bản trả lời và cũng không đến toà án làm bản tự khai, đối chất, tiếp cận công khai chứng cứ .

Bản án số 03 /2019/DS-ST ngày 25/6/2019 của Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, xét xử:

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474; điều 476; điều 122; điều 124; điều 127; điều 134; điều 137; điều 298; điều 715; điều 717; điều 719 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Quyết T: Buộc chị Kiều Thị C và anh Chu Văn P phải L đới trả cho anh Vũ Quyết T tổng số tiền là 164.255.000 đồng *(Một trăm sáu mươi tư triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*, trong đó tiền gốc 96.000.000 đồng *(Chín mươi sáu triệu đồng)*, tiền lãi 68.255.000 đồng *(Sáu mươi tám triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*.

Cụ thể chị Kiều Thị C và anh Chu Văn P mỗi người có trách nhiệm trả anh Vũ Quyết T số tiền: 82.127.500 đồng *(Tám mươi hai triệu một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng)*.

2. Tuyên bố hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất giữa chị Kiều Thị C, anh Chu Văn P và anh Vũ Quyết T vô hiệu. Buộc anh Vũ Quyết T phải trả cho anh Kiều Thanh Đ, chị Nguyễn Thị L 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00809 do Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Yên cấp ngày 31/12/1999 mang tên Kiều Thanh Đ, Nguyễn Thị L và 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00910 do Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Yên cấp ngày 31/12/1999 mang tên Hoàng Thị Sen.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự

Ngày 10/7/2019 bị đơn chị Kiều Thị C kháng cáo nội dung không nhất trí với bản án sơ thẩm vì chị đã trả hết nợ cho anh T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Kiều Thị C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Bác kháng cáo của bà Kiều Thị C. Giữ nguyên bản án số 03/2019/DSST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Kiều Thị C có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn chị Kiều Thị C:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều công nhận năm 2014 anh T cho vợ chồng chị C và anh P vay số tiền là 340.000.000 đồng. Chị C khai đã trả cho anh T 170.000.000 đồng, theo nội dung giấy vay viết ngày 01/7/2015 số nợ này Thế A đã trả trả qua tài khoản ngân hàng cho anh T vào ngày 30/12/2015 là 170.000.000 đồng. Vì vậy Chị đã trả hết nợ trên cho anh T, đến nay vợ chồng chị C anh P không còn nợ anh T bất kỳ khoản tiền nào, lời khai của chị C mâu thuẫn với lời khai của Thế A đã trả nợ cho anh T hộ chị C vào ngày 02/6/2017 số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 11/9/2016, chị C tiếp tục viết giấy cam kết có vay của anh T số tiền 170.000.000 đồng, hẹn kết thúc trả nợ vào ngày 30/12/2016. Như vậy trên thực tế sau ngày 30/12/2015 chị C vẫn còn nợ anh T và thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với anh T.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh T khai, ngày 11/9/2016 chị C viết giấy cam kết vay của anh T số tiền 170.000.000 đồng, hẹn kết thúc trả nợ vào ngày 30/12/2016 nhưng do gia đình chị C gặp khó khăn về kinh tế nên chưa trả như đã cam kết. Tính đến thời điểm khởi kiện, chị C mới trả được cho anh số tiền 54.000.000 đồng và 20.000.000đ do anh Thế A trả vào ngày 02/06/2017 tổng cộng là 74.000.000đ hiện còn nợ lại 96.000.000đ tiền gốc và tiền lãi. Như vậy, số tiền chuyển qua tài khoản Vũ Quyết T ngày 30/12/2015 của Thế A 170.000.000đ là số tiền chuyển trả vào khoản nợ 340.000.000 đồng đã vay năm 2014, được chị C viết giấy nhận nợ vào ngày 30/12/2016 là 170.000.000đ. Ngoài ra chị C khai đã trả cho anh T tổng số tiền là 114.000.000 đồng, tuy nhiên chị C không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh là đã trả. Vì vậy, lời khai của chị C là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, anh T công nhận chị C đã trả được số tiền là 74.000.000 đồng. Tính đến nay chị C anh P còn nợ số tiền gốc là 96.000.000 đồng. Đối với số tiền 60.000.000 đồng, Thế A trả cho anh T 3 lần nhưng không có chứng cứ chứng minh Thế A đã trả số tiền trên. Anh T chỉ thừa nhận vào ngày 02/6/2017 Thế A đã trả 20.000.000 đồng; Vì vậy, anh T yêu cầu Tòa án buộc chị Kiều Thị C anh Chu Văn P phải trả số tiền gốc còn nợ lại là 96.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất được tính như sau:

Lãi suất trong hạn: Từ ngày 01/7/2015 đến 30/3/2016: 8 tháng 29 ngày x 170.000.000 đồng x 0,75%/tháng = 11.432.000 đồng.

Lãi suất quá hạn: Từ 01/4/2016 đến 01/6/2017: 14 tháng x 170.000.000 đồng x 1,125% = 26.775.000 đồng; Từ 02/6/2017 đến 30/12/2017: 6 tháng 28

ngày x 150.000.000 đồng x 1,125% =11.700.000 đồng; Từ 31/12/2017 đến 02/01/2018: 03 ngày x 100.000.000 đồng x 1,125%=112.500 đồng; Từ ngày 03/01/2018 đến ngày 29/01/2018: 26 ngày x 98.000.000 đồng x 1,125% = 955.500 đồng; Từ ngày 30/01/2018 đến 30/5/2019: 16 tháng x 96.000.000 đồng x 1,125% = 17.280.000 đồng.

Tổng cộng: 68.255.000 đồng tiền lãi + 96.000.000 đồng tiền gốc =164.255.000 đồng *(Một trăm sáu mươi tư triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*

[3] Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất vô hiệu:

Khi vay tiền của anh T, chị C có thế chấp một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Nguyễn Thị L và anh Kiều Thanh Đ, một Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên chị Hoàng Thị Sen. Quá trình giải quyết vụ án xác định 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất trên là của chị Nguyễn Thị L và anh Kiều Thanh Đ. Khi chị C thế chấp 02 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất trên mặc dù được sự đồng ý của chị L nhưng anh Đ không biết về giao dịch này, thấy rằng tài sản thế chấp không thuộc quyền sở hữu của người thế chấp theo quy định của pháp luật về thế chấp, mặt khác thủ tục thế chấp không được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất trên vô hiệu cả về nội dung và hình thức. Do vậy, yêu cầu phản tố của chị C tuyên bố hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất vô hiệu và buộc anh T phải trả cho anh Kiều Thanh Đ và chị Nguyễn Thị L 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là có căn cứ cần được chấp nhận.

Bản án sơ thẩm đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Quyết T; Buộc chị Kiều Thị C và anh Chu Văn P phải L đới trả cho anh Vũ Quyết T tổng số tiền là 164.255.000 đồng (một trăm sáu mươi tư triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng), tiền lãi 68.255.000 đồng (Sáu mươi tám triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Tuyên bố hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất giữa chị Kiều Thị C, anh Chu Văn P và anh Vũ Quyết T vô hiệu. Buộc anh Vũ Quyết T phải trả cho anh Kiều Thanh Đ, chị Nguyễn Thị L 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00809 do Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Yên cấp ngày 31/12/1999 mang tên Kiều Thanh Đ, Nguyễn Thị L và 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00910 do Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Yên cấp ngày 31/12/1999 mang tên Hoàng Thị Sen là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Những vấn đề khác không L quan tới kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bà Kiều Thị C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2019/DSST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai:

2. Về án phí phúc thẩm:

Bà Kiều Thị L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Kiều Thị C đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2012/0001606 ngày 26/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Quán **Lương Văn Đài** **Phùng Lâm Hồng**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện Bảo Yên;
- Chi cục THADS huyện Bảo Yên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Lâm Hồng